

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270A/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Minh Sửu;
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án ND huyện Thọ Xuân.

- Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 đều của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P - Sinh năm 1996; Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã Q.P, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện ở tại: Thôn M.T, xã L.S, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn M - Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm 1, xã Q.P, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

- Nguyên đơn, chị P trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án trình bày ý kiến:

Chị và anh M lấy nhau do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã

Q.P, huyện Thọ Xuân vào ngày 10/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2015 phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Nguyên nhân, do anh M hay chơi cờ bạc, không chịu làm ăn. Chị P đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân không liên lạc với nhau. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

- Bị đơn, anh M trong quá trình giải quyết vụ án trình bày ý kiến:

Anh và chị P lấy nhau do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.P, huyện Thọ Xuân vào ngày 10/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Đầu năm 2020 chị P bỏ về nhà mẹ đẻ ở và cắt đứt mọi tình cảm với anh. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh không đồng ý.

* Về con chung: Chị P và anh M xác nhận có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo D, sinh ngày 29/9/2013. Cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần.

- Ý kiến chị P: Ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh M trực tiếp chăm nuôi. Chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh M mỗi tháng là một triệu đồng.

- Ý kiến của anh M: Trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

* Về tài sản và công nợ: Vợ chồng chị P, anh M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2020 cháu Đỗ Bảo D - Sinh ngày 29/9/2013 khai, nếu bố mẹ cháu không ở với nhau nữa cháu xin được ở với bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con. Bị đơn, anh M có địa chỉ tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, chị P và bị đơn, anh M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị P và anh M kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.P, huyện Thọ Xuân vào ngày 10/7/2013. Nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị P và anh Đỗ Văn M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh M, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên đương sự thì trong quá trình

chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, anh M hay chơi cờ bạc, không chịu làm ăn và thực tế vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ nhiều tháng nay, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Như vậy, hôn nhân giữa chị P và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh M, quá trình giải quyết vụ án anh M không đồng ý. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị P.

[3]. Về con chung: Chị P và anh M xác nhận có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo D, sinh ngày 29/9/2013.

Xét nguyện vọng, đề nghị của các đương sự, thực tế cuộc sống của cháu D và hai bên. Hội đồng xét xử giao cho anh Đỗ Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Bảo D, sinh ngày 29/9/2013, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc anh M không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị P, anh M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

- *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị P được ly hôn anh Đỗ Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45 của Ủy ban nhân dân xã Q.P, huyện Thọ Xuân ký ngày 10/7/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con cái:* Giao cháu Đỗ Bảo D, sinh ngày 29/9/2013 cho anh Đỗ Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng:* Chị Bùi Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh M.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2019/0006099 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, chị P đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân
- Chi cục THA DS huyện Thọ Xuân;
- UBND xã Q. P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng